

BÁO CÁO

TÌNH HÌNH KINH TẾ - XÃ HỘI

THÁNG 5 VÀ 5 THÁNG ĐẦU NĂM 2018

1. Sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản

a) Nông nghiệp

Sản xuất nông nghiệp trong tháng tập trung chủ yếu vào chăm sóc lúa đông xuân ở các địa phương phía Bắc; thu hoạch lúa, hoa màu vụ đông xuân và gieo trồng lúa hè thu ở các địa phương phía Nam. Vụ lúa đông xuân năm nay cả nước gieo cấy được 3.101,5 nghìn ha, bằng 99,5% cùng kỳ năm trước, trong đó các địa phương phía Bắc đạt 1.127,5 nghìn ha, bằng 98,5%; các địa phương phía Nam đạt 1.974 nghìn ha lúa đông xuân, bằng 100,1%. Diện tích lúa đông xuân ở miền Bắc giảm 16,6 nghìn ha so với năm trước, trong đó vùng Đồng bằng sông Hồng giảm 11,9 nghìn ha¹ chủ yếu do một số địa phương chuyển đổi một phần diện tích trồng lúa sang sử dụng cho mục đích khác².

Ở phía Bắc, trà lúa đông xuân sớm đang trong giai đoạn trổ bông, chín sữa, năng suất ước tính đạt 63 tạ/ha, tăng 0,7 tạ/ha so với vụ đông xuân trước; sản lượng ước tính đạt 7,1 triệu tấn, giảm 24 nghìn tấn. Một số địa phương có sản lượng lúa giảm nhiều là: Hà Nội giảm 24,5 nghìn tấn; Hưng Yên giảm 11,3 nghìn tấn; Hải Dương giảm 9,3 nghìn tấn; Bắc Ninh giảm 7,5 nghìn tấn. Ở phía Nam, đến trung tuần tháng Năm các địa phương thu hoạch được 1.928,6 nghìn ha lúa đông xuân, chiếm 97,7% diện tích xuống giống và bằng 101,4% cùng kỳ năm trước, trong đó vùng Đồng bằng sông Cửu Long thu hoạch được 1.566 nghìn ha, chiếm 99,5% và bằng 99,2%. Theo báo cáo sơ bộ, năng suất lúa đông xuân của các địa phương phía Nam ước tính đạt 67,5 tạ/ha, tăng 5,2 tạ/ha so với vụ đông xuân trước; sản lượng ước tính đạt 13,3 triệu tấn, tăng 1,04 triệu tấn. Riêng vùng Đồng bằng sông Cửu Long, năng suất ước tính đạt 68,9 tạ/ha, tăng 6,3 tạ/ha so với vụ đông xuân trước; sản lượng đạt 10,8 triệu tấn, tăng 954,9 nghìn tấn. Một số địa phương có năng suất và sản lượng đạt khá so với vụ đông

¹ Trong đó: Hà Nội giảm 3,8 nghìn ha; Hưng Yên giảm 2 nghìn ha; Bắc Ninh giảm 1,2 nghìn ha; Hải Dương và Thái Bình đều giảm 0,9 nghìn ha.

² Trong đó: 2,8 nghìn ha đất thu hồi, giải tỏa để làm khu công nghiệp, làm đường, xây dựng cơ sở hạ tầng khu du lịch, khu đô thị mới; chuyển đổi 2,2 nghìn ha sang trồng cây lâu năm, hơn 1,7 nghìn ha chuyển sang trồng cây hàng năm khác và 987 ha sang nuôi trồng thủy sản; ngoài ra còn có 1,6 nghìn ha đất bị bỏ hoang tập trung chủ yếu ở Hà Nội, Nam Định, Thái Bình, Vĩnh Phúc; 263,5 ha đất không sản xuất do ảnh hưởng của thời tiết và 29,1 ha đất bị ô nhiễm.

xuân trước như: Kiên Giang (năng suất tăng 10,5 tạ/ha; sản lượng tăng 251,3 nghìn tấn); Đồng Tháp (năng suất tăng 9,9 tạ/ha; sản lượng tăng 183,8 nghìn tấn); Long An (năng suất tăng 5,3 tạ/ha; sản lượng tăng 131,3 nghìn tấn).

Cùng với thu hoạch lúa đông xuân, các địa phương phía Nam đã gieo sạ được 1.047,9 nghìn ha lúa hè thu, bằng 92,8% cùng kỳ năm 2017 (vùng Đồng bằng sông Cửu Long đạt 970,6 nghìn ha, bằng 93,5%), chủ yếu do ảnh hưởng từ tiến độ gieo trồng vụ đông xuân năm nay chậm hơn cùng kỳ. Hiện tại lúa hè thu đang trong giai đoạn sinh trưởng và phát triển tốt, ngành nông nghiệp cần tăng cường công tác kiểm tra, theo dõi sát diễn biến tình hình sâu bệnh, hướng dẫn người dân chăm sóc lúa đúng kỹ thuật và đảm bảo lịch thời vụ.

Gieo trồng cây hoa màu đạt thấp, tính đến giữa tháng Năm, cả nước gieo trồng được 476 nghìn ha ngô, bằng 85,4% cùng kỳ năm trước; 73,3 nghìn ha khoai lang, bằng 93,3%; 136,1 nghìn ha lạc, bằng 95,7%; 32 nghìn ha đậu tương, bằng 78,8%; 630 nghìn ha rau đậu, bằng 103,2%.

Chăn nuôi trâu bò trong tháng nhìn chung ổn định, chăn nuôi gia cầm tiếp tục đạt khá, chăn nuôi lợn bắt đầu có dấu hiệu tái đàn khi giá thịt lợn hơi đang tăng lên³, tuy nhiên thị trường xuất khẩu mặt hàng này vẫn chưa được cải thiện. Đàn trâu cả nước trong tháng ước tính giảm 0,4% so với cùng kỳ năm trước; đàn bò tăng 3%; đàn gia cầm tăng 6,9%; đàn lợn giảm 5,4%. Tính đến ngày 27/5/2018, cả nước không còn dịch bệnh trên gia súc, gia cầm.

b) Lâm nghiệp

Diện tích rừng trồng tập trung tháng Năm ước tính đạt 25,3 nghìn ha, tăng 1,6% so với cùng kỳ năm trước; số cây lâm nghiệp trồng phân tán đạt 6,5 triệu cây, giảm 0,6%; sản lượng gỗ khai thác đạt 1.190 nghìn m³, tăng 8,9%; sản lượng củi khai thác đạt 2,1 triệu ste, giảm 4,5%. Tính chung 5 tháng đầu năm, diện tích rừng trồng tập trung ước tính đạt 75,8 nghìn ha, tăng 0,9% so với cùng kỳ năm trước; số cây lâm nghiệp trồng phân tán đạt 29 triệu cây, giảm 0,3%; sản lượng gỗ khai thác đạt 4.197 nghìn m³, tăng 9%; sản lượng củi khai thác đạt 10,8 triệu ste, giảm 2,3%. Một số tỉnh có sản lượng gỗ khai thác 5 tháng đạt khá: Bắc Giang đạt 234 nghìn m³, tăng 9,9% so với cùng kỳ năm trước; Thanh Hóa đạt 247 nghìn m³, tăng 11,4%; Tuyên Quang đạt 291 nghìn m³, tăng 12,3%.

Trong tháng Năm, cả nước có 78 ha rừng bị thiệt hại, giảm 55% so với cùng kỳ năm trước, trong đó diện tích rừng bị cháy là 23,9 ha, giảm 65,9%; diện tích rừng bị chặt phá là 54,1 ha, giảm 47,5%. Tính chung 5 tháng đầu năm, diện tích rừng bị thiệt hại là 386 ha, giảm 34,7% so với cùng kỳ năm trước, trong đó diện tích rừng bị cháy là 115,9 ha, giảm 44,6%; diện tích rừng bị chặt phá là 270,1 ha, giảm 29,3%.

³ Giá thịt lợn hơi tại nhiều địa phương tăng lên trên mức 40.000 đồng/kg.

c) Thủy sản

Sản lượng thủy sản tháng Năm ước tính đạt 654,3 nghìn tấn, tăng 6,7% so với cùng kỳ năm trước, bao gồm cá đạt 483,6 nghìn tấn, tăng 7,2%; tôm đạt 70,2 nghìn tấn, tăng 11,3%; thủy sản khác đạt 100,5 nghìn tấn, tăng 1,5%.

Sản lượng thủy sản nuôi trồng ước tính đạt 332,4 nghìn tấn, tăng 6,3% so với cùng kỳ năm trước, trong đó cá đạt 235,2 nghìn tấn, tăng 6,4%; tôm đạt 56,5 nghìn tấn, tăng 12,3%. Nuôi cá tra đạt khá, giá cá tra duy trì ở mức cao, người nuôi có lãi, quy mô sản xuất được mở rộng. Sản lượng cá tra tháng Năm ước tính đạt 104,5 nghìn tấn, tăng 11,6% so với cùng kỳ năm trước, trong đó Đồng Tháp đạt 32,7 nghìn tấn, tăng 5%; An Giang đạt 26,8 nghìn tấn, tăng 33%; Cần Thơ đạt 16,3 nghìn tấn, tăng 10%. Nuôi tôm nước lợ thuận lợi về thời tiết nhưng tôm thẻ chân trắng đang đối mặt với sự sụt giảm giá do nguồn cung dồi dào, giá thế giới giảm và cạnh tranh với tôm Ấn Độ, Thái Lan. Sản lượng tôm sú tháng Năm ước tính đạt 23 nghìn tấn, tăng 7% so với cùng kỳ năm 2017; sản lượng tôm thẻ chân trắng đạt 31,9 nghìn tấn, tăng 16,4%.

Sản lượng thủy sản khai thác tháng 5/2018 ước tính đạt 321,9 nghìn tấn, tăng 7,2% so với cùng kỳ năm trước, trong đó cá đạt 248,4 nghìn tấn, tăng 8%; tôm đạt 13,7 nghìn tấn, tăng 7,5%; thủy sản khác đạt 59,8 nghìn tấn, tăng 4%. Thời tiết trong tháng tương đối thuận lợi cho hoạt động khai thác biển, lại đang vào mùa khai thác cá vụ Nam nên sản lượng khai thác biển đạt khá. Sản lượng thủy sản khai thác biển tháng Năm đạt 306 nghìn tấn, tăng 7,4% so với cùng kỳ năm trước, trong đó cá đạt 237,5 nghìn tấn, tăng 8,2%; tôm đạt 12,5 nghìn tấn, tăng 7,8%; thủy sản khác đạt 56 nghìn tấn, tăng 4,1%.

Tính chung 5 tháng đầu năm, sản lượng thủy sản ước tính đạt 2.806,9 nghìn tấn, tăng 5,3% so với cùng kỳ năm trước, trong đó sản lượng thủy sản nuôi trồng đạt 1.395,4 nghìn tấn, tăng 6,1%; sản lượng thủy sản khai thác đạt 1.411,5 nghìn tấn, tăng 4,4% (sản lượng khai thác biển đạt 1.345,8 nghìn tấn, tăng 4,6%).

2. Sản xuất công nghiệp

Chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp tháng Năm ước tính tăng 7,1% so với cùng kỳ năm trước, trong đó ngành khai khoáng giảm 7,6%; ngành chế biến, chế tạo tăng 9,1%; sản xuất và phân phối điện tăng 11,2%; cung cấp nước và xử lý rác thải, nước thải tăng 8,2%.

Tính chung 5 tháng đầu năm 2018, chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp tăng 9,7% so với cùng kỳ năm trước, cao hơn mức tăng 6,6% của cùng kỳ năm 2017⁴. Trong đó, ngành chế biến, chế tạo tiếp tục tăng trưởng cao 11,8%, đóng góp 9 điểm phần trăm vào mức tăng chung nhưng có xu hướng tăng chậm dần

⁴ 5 tháng đầu năm 2017, ngành khai khoáng giảm 6,9% so với cùng kỳ năm trước; chế biến, chế tạo tăng 9,4%; sản xuất và phân phối điện tăng 9,8%; cung cấp nước và xử lý rác thải, nước thải tăng 6,7%.

(2 tháng đầu năm nay tăng 15,5%; 3 tháng tăng 14,1%; 4 tháng tăng 12,5%); ngành sản xuất và phân phối điện tăng 10,6%, đóng góp 0,9 điểm phần trăm; ngành cung cấp nước và xử lý rác thải, nước thải tăng 6%, đóng góp 0,1 điểm phần trăm; ngành khai khoáng giảm 2,2%, làm giảm 0,3 điểm phần trăm mức tăng trưởng chung.

Trong các ngành công nghiệp cấp II, một số ngành có chỉ số sản xuất 5 tháng tăng cao so với cùng kỳ năm trước: Dẫn đầu là ngành sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính và sản phẩm quang học với mức tăng 18,7%, tuy nhiên các tháng gần đây đang tăng chậm lại (tháng Một tăng 35,8%; tháng Hai tăng 33,2%; tháng Ba tăng 24,6%; tháng Tư tăng 5,4%; tháng Năm tăng 2,2%), nguyên nhân chủ yếu do năm nay Công ty TNHH Samsung Electronics tập trung sản xuất các dòng điện thoại cao cấp vào tháng Hai và tháng Ba, trong khi năm 2017 sản xuất chủ yếu vào tháng Tư và tháng Năm. Tiếp theo là ngành sản xuất kim loại tăng 17,4%; sản xuất sản phẩm từ kim loại đúc sẵn (trừ máy móc, thiết bị) tăng 17,2%; khai thác quặng kim loại tăng 15,4%; dệt tăng 12,1%. Một số ngành có mức tăng thấp hoặc giảm: Khai thác than cứng và than non tăng 3,5%; hoạt động thu gom, xử lý và tiêu hủy rác thải, tái chế phế liệu tăng 3,4%; sản xuất thuốc lá tăng 2,5%; chế biến gỗ và sản xuất sản phẩm từ gỗ, tre, nứa tăng 2,4%; sản xuất sản phẩm từ cao su và plastic tăng 2,3%; sửa chữa, bảo dưỡng và lắp đặt máy móc thiết bị tăng 1,1%; khai thác dầu thô và khí đốt tự nhiên giảm 4,8% (khai thác dầu thô giảm 10,2% và khai thác khí đốt tự nhiên tăng 1%); khai khoáng khác giảm 0,3%.

Một số sản phẩm công nghiệp chủ yếu 5 tháng đầu năm tăng cao so với cùng kỳ năm trước: Sắt, thép thô tăng 39,7%; vải dệt từ sợi tổng hợp hoặc sợi nhân tạo tăng 25%; thức ăn cho thủy sản tăng 17,7%; đường kính tăng 15,5%; thép thanh, thép góc tăng 15,1%; sữa bột tăng 13,6%; ti vi tăng 12,4%. Một số sản phẩm tăng thấp hoặc giảm: Khí đốt thiên nhiên dạng khí tăng 1%; sữa tươi tăng 0,9%; điện thoại di động tăng 0,8%; ô tô tăng 0,6%; thức ăn cho gia súc bằng cùng kỳ năm trước; phân u rê giảm 1,6%; dầu gội đầu, dầu xả giảm 6,6%; sữa tắm, sữa rửa mặt giảm 8,4%; dầu thô khai thác giảm 10,2%.

Chỉ số sản xuất công nghiệp 5 tháng đầu năm 2018 của hầu hết các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đều tăng so với cùng kỳ năm trước, trong đó chỉ số sản xuất của một số địa phương có quy mô công nghiệp lớn như sau: Hải Phòng tăng 23,8%; Bắc Ninh tăng 22,2%; Thái Nguyên tăng 12,1%; Vĩnh Phúc tăng 11,7%; Hải Dương tăng 10,1%; Bình Dương và Đồng Nai cùng tăng 8,2%; Đà Nẵng tăng 8%; Hà Nội tăng 7,8%; Cần Thơ tăng 7,3%; Quảng Ninh tăng 6,8%; thành phố Hồ Chí Minh tăng 6%; Bà Rịa - Vũng Tàu tăng 2,5%; riêng Quảng Nam giảm 1,4%.

Số lao động đang làm việc trong các doanh nghiệp công nghiệp tại thời điểm 1/5/2018 tăng 3,8% so với cùng thời điểm năm trước, trong đó lao động khu vực doanh nghiệp Nhà nước giảm 0,4%; doanh nghiệp ngoài Nhà nước tăng 4,3%; doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài tăng 4,2%. Tại thời điểm trên, số lao động làm việc trong các doanh nghiệp ngành khai khoáng giảm 0,2% so với cùng thời điểm năm trước; ngành chế biến, chế tạo tăng 4%; sản xuất và phân phối điện tăng 0,6%; cung cấp nước và xử lý rác thải, nước thải giảm 1,2%.

Lao động trong các doanh nghiệp công nghiệp tại thời điểm 1/5/2018 so với cùng thời điểm năm trước của một số địa phương có quy mô công nghiệp lớn như sau: Cần Thơ tăng 23,3%; Hải Phòng tăng 14,2%; Bà Rịa - Vũng Tàu tăng 12,2%⁵; Bắc Ninh tăng 5,9%; Hà Nội và Đồng Nai cùng tăng 4,9%; Thái Nguyên tăng 4,7%; Bình Dương tăng 4,5%; Hải Dương tăng 3,8%; Quảng Ninh tăng 0,7%; thành phố Hồ Chí Minh tăng 0,3%; Đà Nẵng giảm 0,7%; Quảng Nam giảm 1,2%; Vĩnh Phúc giảm 5%.

3. Tình hình đăng ký doanh nghiệp⁶

Trong tháng Năm, cả nước có 11.027 doanh nghiệp thành lập mới với số vốn đăng ký là 104,8 nghìn tỷ đồng, giảm 24% về số doanh nghiệp và giảm 21,5% về số vốn đăng ký so với tháng trước⁷; vốn đăng ký bình quân một doanh nghiệp đạt 9,5 tỷ đồng, tăng 3,3%; tổng số lao động đăng ký của các doanh nghiệp thành lập mới là 80,5 nghìn người, giảm 24,5%.

Trong tháng, cả nước có 2.306 doanh nghiệp quay trở lại hoạt động, giảm 29,7% so với tháng trước; có 6.855 doanh nghiệp tạm ngừng hoạt động (bao gồm: 2.043 doanh nghiệp đăng ký tạm ngừng kinh doanh có thời hạn và 4.812 doanh nghiệp tạm ngừng hoạt động không đăng ký hoặc chờ giải thể), tăng 11,7%; có 834 doanh nghiệp hoàn tất thủ tục giải thể, giảm 39,5%.

Tính chung 5 tháng đầu năm nay, cả nước có 52.322 doanh nghiệp đăng ký thành lập mới với tổng vốn đăng ký là 516,9 nghìn tỷ đồng, tăng 3,5% về số doanh nghiệp và tăng 6,4% về số vốn đăng ký so với cùng kỳ năm 2017⁸; vốn đăng ký bình quân một doanh nghiệp thành lập mới đạt 9,9 tỷ đồng, tăng 2,8%. Nếu tính cả 902,2 nghìn tỷ đồng vốn đăng ký tăng thêm của các doanh nghiệp thay đổi tăng vốn thì tổng số vốn đăng ký bổ sung thêm vào nền kinh tế trong 5 tháng năm 2018 là 1.419,1 nghìn tỷ đồng. Bên cạnh đó, còn có 13.267 doanh

⁵ Công ty TNHH sản xuất da giày Uy Việt mới tuyển dụng thêm 3 nghìn lao động.

⁶ Nguồn: Hệ thống thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia, Cục Quản lý đăng ký kinh doanh, Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

⁷ So với cùng kỳ năm trước, số doanh nghiệp tăng 0,7%; số vốn đăng ký giảm 12,1%.

⁸ 5 tháng năm 2017, số doanh nghiệp đăng ký thành lập mới tăng 12,9% so với cùng kỳ năm trước; số vốn đăng ký tăng 39%; vốn đăng ký bình quân 1 doanh nghiệp tăng 23%.

ng nghiệp quay trở lại hoạt động, giảm 1,4% so với cùng kỳ năm trước, nâng tổng số doanh nghiệp đăng ký thành lập mới và doanh nghiệp quay trở lại hoạt động trong 5 tháng đầu năm nay lên gần 65,6 nghìn doanh nghiệp. Tổng số lao động đăng ký của các doanh nghiệp thành lập mới 5 tháng đầu năm 2018 là 412,6 nghìn người, giảm 20,9% so với cùng kỳ năm trước.

Theo lĩnh vực hoạt động, trong 5 tháng đầu năm có 17,8 nghìn doanh nghiệp thành lập mới trong ngành bán buôn, bán lẻ, sửa chữa ô tô, xe máy (chiếm 33,9% tổng số doanh nghiệp thành lập mới), tăng 1,6% so với cùng kỳ năm trước; 7,1 nghìn doanh nghiệp xây dựng (chiếm 13,6%), tăng 3,5%; 6,5 nghìn doanh nghiệp công nghiệp chế biến, chế tạo (chiếm 12,4%), giảm 4,5%; 4 nghìn doanh nghiệp khoa học, công nghệ, dịch vụ tư vấn, thiết kế, quảng cáo và chuyên môn khác (chiếm 7,6%), tăng 1,3%; 3,1 nghìn doanh nghiệp dịch vụ việc làm, du lịch, cho thuê máy móc thiết bị, đồ dùng và các dịch vụ hỗ trợ khác (chiếm 5,8%), tăng 15,3%; 2,7 nghìn doanh nghiệp dịch vụ lưu trú và ăn uống (chiếm 5,1%), tăng 12%; 2,6 nghìn doanh nghiệp kinh doanh bất động sản (chiếm 5%), tăng 41,1%; 1,5 nghìn doanh nghiệp giáo dục và đào tạo (chiếm 2,8%), tăng 12,7%...

Trong 5 tháng đầu năm nay, số doanh nghiệp thành lập mới tại các vùng trong cả nước đều tăng so với cùng kỳ năm trước: Vùng Đồng bằng sông Hồng có 15,5 nghìn doanh nghiệp, tăng 0,2% (vốn đăng ký đạt 148,5 nghìn tỷ đồng, tăng 26,6%); Trung du và miền núi phía Bắc 2,2 nghìn doanh nghiệp, tăng 3,5% (vốn đăng ký 19,4 nghìn tỷ đồng, giảm 20,2%); Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung 7,4 nghìn doanh nghiệp, tăng 6,7% (vốn đăng ký 68,3 nghìn tỷ đồng, tăng 2%); Tây Nguyên 1,3 nghìn doanh nghiệp, tăng 0,9% (vốn đăng ký 8,3 nghìn tỷ đồng, giảm 27,3%); Đông Nam Bộ 22,1 nghìn doanh nghiệp, tăng 4,4% (vốn đăng ký 235,2 nghìn tỷ đồng, giảm 2,2%); Đồng bằng sông Cửu Long 3,8 nghìn doanh nghiệp, tăng 7,6% (vốn đăng ký 37,2 nghìn tỷ đồng, tăng 47,1%).

Số doanh nghiệp tạm ngừng hoạt động trong 5 tháng đầu năm 2018 là 33.399 doanh nghiệp, tăng 3,9% so với cùng kỳ năm trước, bao gồm 15.974 doanh nghiệp đăng ký tạm ngừng kinh doanh có thời hạn, tăng 24% và 17.425 doanh nghiệp tạm ngừng hoạt động không đăng ký hoặc chờ giải thể, giảm 9,5%. Theo lĩnh vực hoạt động, số doanh nghiệp đăng ký tạm ngừng kinh doanh có thời hạn ở hầu hết các lĩnh vực đều tăng so với cùng kỳ năm trước: Lĩnh vực bán buôn, bán lẻ, sửa chữa ô tô, xe máy có 6,3 nghìn doanh nghiệp (chiếm 39,1%), tăng 23,4%; 2,5 nghìn doanh nghiệp xây dựng (chiếm 15,3%), tăng 23,5%; 2 nghìn doanh nghiệp công nghiệp chế biến, chế tạo (chiếm 12,4%), tăng 17,7%; 819 doanh nghiệp dịch vụ lưu trú và ăn uống (chiếm 5,1%), tăng 30,2%... Đối với các doanh nghiệp tạm ngừng hoạt động không

đăng ký hoặc chờ giải thể, lĩnh vực bán buôn, bán lẻ, sửa chữa ô tô, xe máy có 6,1 nghìn doanh nghiệp (chiếm 35,3%), giảm 25,7% so với cùng kỳ năm trước; 2,4 nghìn doanh nghiệp xây dựng (chiếm 13,6%), giảm 6,8%; 2,1 nghìn doanh nghiệp công nghiệp chế biến chế tạo (chiếm 12%), giảm 3,3%; 1,1 nghìn doanh nghiệp dịch vụ việc làm, du lịch, cho thuê máy móc thiết bị, đồ dùng và các dịch vụ hỗ trợ khác (chiếm 6,3%), tăng 17,1%; 1 nghìn doanh nghiệp dịch vụ lưu trú và ăn uống (chiếm 5,9%), tăng 15,7%.

Số doanh nghiệp hoàn tất thủ tục giải thể trong 5 tháng đầu năm 2018 là 5.533 doanh nghiệp, tăng 18,1% so với cùng kỳ năm trước, trong đó 5.061 doanh nghiệp có quy mô vốn dưới 10 tỷ đồng, chiếm 91,5% và tăng 17%. Doanh nghiệp hoàn tất thủ tục giải thể tập trung chủ yếu ở các lĩnh vực: Bán buôn, bán lẻ, sửa chữa ô tô, xe máy có 2.127 doanh nghiệp, tăng 20,7% so với cùng kỳ năm trước; công nghiệp chế biến, chế tạo có 779 doanh nghiệp, tăng 28,5%; xây dựng có 599 doanh nghiệp, tăng 12,8%.

4. Đầu tư

Vốn đầu tư thực hiện từ nguồn ngân sách Nhà nước tháng Năm ước tính đạt 24,8 nghìn tỷ đồng, bao gồm: Vốn trung ương 4,5 nghìn tỷ đồng; vốn địa phương 20,3 nghìn tỷ đồng. Tính chung 5 tháng đầu năm, vốn đầu tư thực hiện từ nguồn ngân sách Nhà nước đạt 96,1 nghìn tỷ đồng, bằng 28,4% kế hoạch năm và tăng 8,8% so với cùng kỳ năm trước (cùng kỳ năm 2017 bằng 28,7% và tăng 5,5%), gồm có:

- Vốn trung ương quản lý đạt 17,7 nghìn tỷ đồng, bằng 26,8% kế hoạch năm và giảm 6,5% so với cùng kỳ năm trước, trong đó vốn đầu tư thực hiện của Bộ Giao thông Vận tải đạt 6.135 tỷ đồng, bằng 33,3% và giảm 42,3%; Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn 1.619 tỷ đồng, bằng 20,1% và tăng 12,1%; Bộ Y tế 721 tỷ đồng, bằng 21,8% và giảm 41,6%; Bộ Tài nguyên và Môi trường 360 tỷ đồng, bằng 24,3% và tăng 53,6%; Bộ Giáo dục và Đào tạo 308 tỷ đồng, bằng 22,7% và tăng 37,6%; Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch 216 tỷ đồng, bằng 28,8% và tăng 23%; Bộ Xây dựng 68 tỷ đồng, bằng 24,8% và giảm 61,7%; Bộ Công Thương 61 tỷ đồng, bằng 27,7% và giảm 18,6%; Bộ Khoa học và Công nghệ 54 tỷ đồng, bằng 22,4% và tăng 48,1%; Bộ Thông tin và Truyền thông 32 tỷ đồng, bằng 24% và tăng 19,7%.

- Vốn địa phương quản lý đạt 78,4 nghìn tỷ đồng, bằng 28,8% kế hoạch năm và tăng 12,9% so với cùng kỳ năm 2017, trong đó: Vốn ngân sách Nhà nước cấp tỉnh đạt 54,2 nghìn tỷ đồng, bằng 26,8% và tăng 11,8%; vốn ngân sách Nhà nước cấp huyện đạt 20,2 nghìn tỷ đồng, bằng 33,4% và tăng 15,5%; vốn ngân sách Nhà nước cấp xã đạt 4 nghìn tỷ đồng, bằng 40,6% và tăng 14,7%. Vốn

đầu tư thực hiện từ nguồn ngân sách Nhà nước 5 tháng đầu năm 2018 của một số tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương như sau: Hà Nội đạt 11.446 tỷ đồng, bằng 30% kế hoạch năm và tăng 4,9% so với cùng kỳ năm trước; thành phố Hồ Chí Minh 6.243 tỷ đồng, bằng 15% và tăng 6,8%; Thanh Hóa 2.428 tỷ đồng, bằng 38,6% và tăng 38,2%; Hải Phòng 2.310 tỷ đồng, bằng 25,3% và tăng 62,8%; Quảng Ninh 2.204 tỷ đồng, bằng 38,9% và tăng 21,3%; Nghệ An 2.189 tỷ đồng, bằng 37,4% và giảm 0,6%; Bà Rịa - Vũng Tàu 2.169 tỷ đồng, bằng 33,3% và tăng 22,1%; Vĩnh Phúc 2.109 tỷ đồng, bằng 35,4% và tăng 0,2%.

Nhìn chung, tình hình giải ngân và thực hiện vốn đầu tư từ ngân sách Nhà nước trong 5 tháng đầu năm còn chậm. Các Bộ, ngành và địa phương cần tiếp tục nỗ lực tập trung thực hiện các giải pháp để tháo gỡ khó khăn, đẩy nhanh tiến độ giải ngân vốn, bảo đảm kế hoạch đề ra.

Đầu tư trực tiếp của nước ngoài từ đầu năm đến thời điểm 20/5/2018 thu hút 1.076 dự án cấp phép mới với số vốn đăng ký đạt 4.657,4 triệu USD, tăng 14,6% về số dự án và giảm 16,8% về vốn đăng ký so với cùng kỳ năm 2017. Bên cạnh đó, có 393 lượt dự án đã cấp phép từ các năm trước đăng ký điều chỉnh vốn đầu tư với số vốn tăng thêm đạt 2.492,7 triệu USD, giảm 47,4% so với cùng kỳ năm trước. Như vậy, tổng số vốn đăng ký cấp mới và vốn tăng thêm trong 5 tháng đạt 7.150,1 triệu USD, giảm 30,8% so với cùng kỳ năm 2017. Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài thực hiện 5 tháng đầu năm ước tính đạt 6,75 tỷ USD, tăng 9,8% so với cùng kỳ năm 2017. Trong 5 tháng năm 2018 còn có 2.341 lượt góp vốn, mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài với tổng giá trị góp vốn là 2,75 tỷ USD, tăng 53,5% so với cùng kỳ năm 2017, trong đó có 1.117 lượt góp vốn, mua cổ phần làm tăng vốn điều lệ của doanh nghiệp với giá trị vốn góp là 1,58 tỷ USD và 1.224 lượt nhà đầu tư nước ngoài mua lại cổ phần trong nước mà không làm tăng vốn điều lệ với giá trị 1,17 tỷ USD.

Trong 5 tháng, ngành công nghiệp chế biến, chế tạo thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài lớn nhất với số vốn đăng ký của các dự án được cấp phép mới đạt 2.289,8 triệu USD, chiếm 49,1% tổng vốn đăng ký cấp mới; ngành sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí đạt 898,2 triệu USD, chiếm 19,3%; hoạt động kinh doanh bất động sản đạt 623,3 triệu USD, chiếm 13,4%; các ngành còn lại đạt 846,1 triệu USD, chiếm 18,2%. Nếu tính cả vốn đăng ký bổ sung của các dự án đã cấp phép từ các năm trước thì vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài vào ngành công nghiệp chế biến, chế tạo trong 5 tháng năm nay đạt 4.452,3 triệu USD, chiếm 62,3% tổng vốn đăng ký; ngành sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí đạt 898,2 triệu USD, chiếm 12,5%; hoạt động kinh doanh bất động

sản đạt 806,5 triệu USD, chiếm 11,3%; các ngành còn lại đạt 993,1 triệu USD, chiếm 13,9%. Đối với hình thức góp vốn, mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài, vốn đầu tư vào ngành công nghiệp chế biến, chế tạo đạt 729 triệu USD, chiếm 26,5% tổng giá trị góp vốn; ngành bán buôn và bán lẻ; sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ đạt 599 triệu USD, chiếm 21,8%; các ngành còn lại đạt 1.422,1 triệu USD, chiếm 51,7%.

Cả nước có 43 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có dự án đầu tư trực tiếp nước ngoài được cấp phép mới trong 5 tháng đầu năm, trong đó thành phố Hồ Chí Minh có số vốn đăng ký lớn nhất với 540,9 triệu USD, chiếm 11,6% tổng vốn đăng ký cấp mới; tiếp đến là Hà Nội 525,6 triệu USD, chiếm 11,3%; Bình Dương 403,8 triệu USD, chiếm 8,7%; Đồng Nai 373,6 triệu USD, chiếm 8%; Bạc Liêu 365,8 triệu USD, chiếm 7,9%; Ninh Thuận 327,6 triệu USD, chiếm 7%; Hà Nam 198,3 triệu USD, chiếm 4,3%; Bà Rịa - Vũng Tàu 195,7 triệu USD, chiếm 4,2%; Quảng Ninh 176,6 triệu USD, chiếm 3,8%.

Trong số 50 quốc gia và vùng lãnh thổ có dự án đầu tư được cấp phép mới tại Việt Nam trong 5 tháng năm nay, Hàn Quốc là nhà đầu tư lớn nhất với 1.019,5 triệu USD, chiếm 21,9% tổng vốn đăng ký cấp mới; tiếp đến là Nhật Bản 904,8 triệu USD, chiếm 19,4%; Thái Lan 536,2 triệu USD, chiếm 11,5%; Xin-ga-po 503,1 triệu USD, chiếm 10,8%; Đặc khu Hành chính Hồng Kông (TQ) 474,9 triệu USD, chiếm 10,2%; Trung Quốc 280,9 triệu USD, chiếm 6%; Hà Lan 186,6 triệu USD, chiếm 4%.

Về đầu tư của Việt Nam ra nước ngoài, trong 5 tháng năm nay bên cạnh 48 dự án được cấp mới giấy chứng nhận đầu tư ra nước ngoài với tổng vốn đầu tư của phía Việt Nam là 144,7 triệu USD, còn có 14 dự án điều chỉnh vốn với số vốn tăng thêm là 40 triệu USD. Tính chung tổng vốn đầu tư Việt Nam ra nước ngoài (vốn cấp mới và tăng thêm) 5 tháng đầu năm 2018 đạt 184,7 triệu USD, trong đó lĩnh vực tài chính, ngân hàng đạt 105,8 triệu USD, chiếm 57,3% tổng vốn đầu tư; lĩnh vực công nghiệp chế biến, chế tạo đạt 25,4 triệu USD, chiếm 13,7%; lĩnh vực nông, lâm nghiệp và thủy sản đạt 21 triệu USD, chiếm 11,4%. Trong 5 tháng có 24 quốc gia, vùng lãnh thổ nhận đầu tư của Việt Nam, trong đó dẫn đầu là Lào chiếm 43,4% tổng vốn đầu tư; Cam-pu-chia chiếm 17,5%; Cu-ba chiếm 10,8%.

5. Thu, chi ngân sách Nhà nước

Tổng thu ngân sách Nhà nước từ đầu năm đến thời điểm 15/5/2018 ước tính đạt 490,2 nghìn tỷ đồng, bằng 37,2% dự toán năm, trong đó thu nội địa đạt 394,5 nghìn tỷ đồng, bằng 35,9%; thu từ dầu thô đạt 21,7 nghìn tỷ đồng, bằng 60,4%; thu cân đối ngân sách từ hoạt động xuất, nhập khẩu đạt 73,9 nghìn tỷ

đồng, bằng 41,3%. Trong thu nội địa, thu từ khu vực doanh nghiệp Nhà nước đạt 51,8 nghìn tỷ đồng, bằng 31,1% dự toán năm; thu từ doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (không kể dầu thô) 66,3 nghìn tỷ đồng, bằng 29,8%; thu thuế công, thương nghiệp và dịch vụ ngoài Nhà nước 82,2 nghìn tỷ đồng, bằng 37,7%; thu thuế thu nhập cá nhân 41,1 nghìn tỷ đồng, bằng 42,4%; thu thuế bảo vệ môi trường 14,2 nghìn tỷ đồng, bằng 29,2%; thu tiền sử dụng đất đạt 41,8 nghìn tỷ đồng, bằng 48,6%.

Tổng chi ngân sách Nhà nước từ đầu năm đến thời điểm 15/5/2018 ước tính đạt 470,3 nghìn tỷ đồng, bằng 30,9% dự toán năm, trong đó chi thường xuyên đạt 339,5 nghìn tỷ đồng, bằng 36,1%; chi đầu tư phát triển đạt 82,6 nghìn tỷ đồng, bằng 20,7%; chi trả nợ lãi 46,3 nghìn tỷ đồng, bằng 41,1%.

6. Thương mại, chỉ số giá, vận tải và du lịch

a) Bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng

Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tháng 5/2018 ước tính đạt 354 nghìn tỷ đồng, tăng 1,5% so với tháng trước và tăng 10,4% so với cùng kỳ năm 2017, trong đó: Doanh thu bán lẻ hàng hóa đạt 267 nghìn tỷ đồng, tăng 1,4% và tăng 11,3%; doanh thu dịch vụ lưu trú, ăn uống đạt 42,9 nghìn tỷ đồng, giảm 0,9% và tăng 8,2%; doanh thu du lịch lữ hành đạt 3,2 nghìn tỷ đồng, tăng 15,6% và tăng 11,4%; doanh thu dịch vụ khác đạt 40,9 nghìn tỷ đồng, tăng 3,8% và tăng 6,6%. Tính chung 5 tháng đầu năm, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng ước tính đạt 1.752,7 nghìn tỷ đồng, tăng 10,1% so với cùng kỳ năm trước, nếu loại trừ yếu tố giá tăng 8,3% (cùng kỳ năm 2017 tăng 7,5%).

Xét theo ngành hoạt động, doanh thu bán lẻ hàng hóa 5 tháng đầu năm ước tính đạt 1.325,6 nghìn tỷ đồng, chiếm 75,6% tổng mức và tăng 11% so với cùng kỳ năm trước, trong đó: Lương thực, thực phẩm tăng 12,1%; may mặc tăng 12,4%; đồ dùng, dụng cụ, trang thiết bị gia đình tăng 11%; vật phẩm văn hoá, giáo dục tăng 9,1%; phương tiện đi lại tăng 8,5%. Một số địa phương có mức tăng khá: Thành phố Hồ Chí Minh tăng 13,5%; Thái Nguyên tăng 13%; Bắc Giang tăng 12,9%; Hà Nội tăng 12,6%; Lâm Đồng tăng 12,5%; Thanh Hóa tăng 12,3%; Nam Định tăng 12,3%; Bình Định tăng 12,2%. Bên cạnh đó, một số địa phương có mức tăng thấp: Tiền Giang tăng 7,7%; Hà Tĩnh tăng 7,1%; Đồng Tháp tăng 6,5%; Kiên Giang tăng 6,1%.

Doanh thu dịch vụ lưu trú, ăn uống 5 tháng đầu năm ước tính đạt 214,4 nghìn tỷ đồng, chiếm 12,3% tổng mức và tăng 8,9% so với cùng kỳ năm trước, trong đó doanh thu của Quảng Bình tăng 14,5%; Bình Thuận tăng 12,7%; Lào Cai tăng 10,9%; Hà Nội tăng 8,5%; thành phố Hồ Chí Minh tăng 7,3%.

Doanh thu du lịch lữ hành 5 tháng ước tính đạt 16,2 nghìn tỷ đồng, chiếm 0,9% tổng mức và tăng 23% so với cùng kỳ năm trước, trong đó thành phố Hồ Chí Minh tăng 27,5%; Long An tăng 26,4%; Hà Nội tăng 25,8%; Hải Phòng tăng 25,6%; Đắk Lắk tăng 24,2%.

Doanh thu dịch vụ khác 5 tháng ước tính đạt 196,5 nghìn tỷ đồng, chiếm 11,2% tổng mức và tăng 4,6% so với cùng kỳ năm 2017, trong đó doanh thu của Thừa Thiên - Huế tăng 6,9%; Hải Dương tăng 5,7%; Hà Nội tăng 2,2%; thành phố Hồ Chí Minh tăng 1,5%.

b) Xuất, nhập khẩu hàng hóa

Kim ngạch hàng hóa xuất khẩu thực hiện tháng 4/2018 đạt 18.367 triệu USD, cao hơn 167 triệu USD so với số ước tính, trong đó giày dép cao hơn 158 triệu USD; điện tử, máy tính và linh kiện cao hơn 150 triệu USD; sắt thép cao hơn 105 triệu USD; máy móc thiết bị, dụng cụ phụ tùng cao hơn 61 triệu USD; thủy sản cao hơn 34 triệu USD; rau quả cao hơn 30 triệu USD; phương tiện vận tải và phụ tùng cao hơn 27 triệu USD; xăng dầu, hóa chất cùng cao hơn 22 triệu USD; gạo cao hơn 17 triệu USD; hạt điều và sản phẩm từ chất dẻo cùng cao hơn 15 triệu USD; hàng dệt may thấp hơn 84 triệu USD; điện thoại và linh kiện thấp hơn 517 triệu USD.

Kim ngạch hàng hóa xuất khẩu tháng 5/2018 ước tính đạt 19,20 tỷ USD, tăng 4,5% so với tháng trước, trong đó khu vực kinh tế trong nước đạt 5,63 tỷ USD, tăng 1,7%; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (kể cả dầu thô) đạt 13,57 tỷ USD, tăng 5,8%. Một số mặt hàng xuất khẩu trong tháng Năm có kim ngạch tăng cao: Dầu thô tăng 110,9%; cao su tăng 41,6%; gạo tăng 26,4%; điện tử, máy tính và linh kiện tăng 11,6%; giày dép tăng 11,2%. So với cùng kỳ năm trước, kim ngạch hàng hóa xuất khẩu tháng Năm tăng 7,1%, trong đó khu vực kinh tế trong nước tăng 14%, khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (kể cả dầu thô) tăng 4,5%. Một số mặt hàng có kim ngạch xuất khẩu tăng so với cùng kỳ năm trước: Máy móc thiết bị, dụng cụ phụ tùng tăng 31,4%; điện tử, máy tính và linh kiện tăng 19,9%; hàng dệt may tăng 12,1%.

Tính chung 5 tháng đầu năm, kim ngạch hàng hóa xuất khẩu ước tính đạt 93,09 tỷ USD, tăng 15,8% so với cùng kỳ năm 2017, trong đó khu vực kinh tế trong nước đạt 26,43 tỷ USD, tăng 17,8%; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (kể cả dầu thô) đạt 66,66 tỷ USD, tăng 15%, chiếm tới 71,6% tổng kim ngạch xuất khẩu (giảm 0,5 điểm phần trăm so với cùng kỳ năm 2017). Kim ngạch xuất khẩu một số mặt hàng chủ lực tiếp tục tăng so với cùng kỳ năm trước: Điện thoại và linh kiện đạt 19,5 tỷ USD, tăng 19,8%; điện tử, máy tính và linh kiện đạt 10,9 tỷ USD, tăng 14,2%; hàng dệt may đạt 10,7 tỷ USD, tăng 13,3%; máy móc thiết bị,

dụng cụ phụ tùng đạt 6,4 tỷ USD, tăng 29,7%; giày dép đạt 6,1 tỷ USD, tăng 7,9%; phương tiện vận tải và phụ tùng đạt 3,3 tỷ USD, tăng 17,2%; gỗ và sản phẩm gỗ đạt 3,3 tỷ USD, tăng 10%. Bên cạnh đó, một số mặt hàng nông sản, thủy sản cũng tăng khá: Thủy sản đạt 3,1 tỷ USD, tăng 11,1%; rau quả đạt 1,7 tỷ USD, tăng 19,6%; gạo đạt 1,6 tỷ USD, tăng 51,1% (lượng tăng 20,4%); hạt điều đạt 1,4 tỷ USD, tăng 25,3% (lượng tăng 21,4%). Một số mặt hàng nông sản tuy có lượng xuất khẩu tăng nhưng kim ngạch giảm so với cùng kỳ năm trước do giá xuất khẩu bình quân giảm: Cà phê đạt 1,6 tỷ USD, giảm 12% (lượng tăng 1,8%); cao su đạt 630 triệu USD, giảm 10,8% (lượng tăng 19,6%); hạt tiêu đạt 379 triệu USD, giảm 37,1% (lượng tăng 6,2%). Riêng dầu thô tính chung 5 tháng giảm về cả lượng và kim ngạch xuất khẩu so với cùng kỳ năm trước, trong khi giá xuất khẩu bình quân tăng 45,3% so với cùng kỳ năm 2017: Kim ngạch xuất khẩu dầu thô đạt 919 triệu USD, giảm 20,4% (lượng giảm 40,1%).

Về thị trường hàng hóa xuất khẩu 5 tháng đầu năm nay, Hoa Kỳ là thị trường xuất khẩu lớn nhất của Việt Nam với kim ngạch đạt 17,4 tỷ USD, tăng 9% so với cùng kỳ năm trước, trong đó giày dép tăng 15,8%; hàng dệt may tăng 12%; điện thoại và linh kiện tăng 8,5%. Tiếp đến là EU đạt 16,9 tỷ USD, tăng 13,6%, trong đó máy móc thiết bị, dụng cụ phụ tùng tăng 36%; điện thoại và linh kiện tăng 16,4%; điện tử, máy tính và linh kiện tăng 16,3%. Trung Quốc đạt 13,8 tỷ USD, tăng 30,8%, trong đó điện thoại và linh kiện gấp hơn 5 lần cùng kỳ năm trước; điện tử, máy tính và linh kiện tăng 31%; rau quả tăng 16,5%. Thị trường ASEAN đạt 9,8 tỷ USD, tăng 14,1%, trong đó gạo gấp 3,4 lần; sắt thép tăng 52,9%; điện thoại và linh kiện tăng 6,1%. Nhật Bản đạt 7,2 tỷ USD, tăng 11,3%, trong đó hàng dệt may tăng 21%; máy móc thiết bị, dụng cụ phụ tùng tăng 5,7%. Hàn Quốc đạt 7,2 tỷ USD, tăng 31%, trong đó điện tử, máy tính và linh kiện tăng 57%; điện thoại và linh kiện tăng 31,6%; hàng dệt may tăng 26,9%.

Kim ngạch hàng hóa nhập khẩu thực hiện tháng 4/2018 đạt 17.204 triệu USD, thấp hơn 296 triệu USD so với số ước tính, trong đó điện thoại và linh kiện thấp hơn 139 triệu USD; máy móc thiết bị, dụng cụ phụ tùng thấp hơn 148 triệu USD; điện tử, máy tính và linh kiện thấp hơn 275 triệu USD; vải cao hơn 99 triệu USD; sắt thép cao hơn 35 triệu USD; lúa mỳ cao hơn 33 triệu USD; phân bón cao hơn 28 triệu USD.

Kim ngạch hàng hóa nhập khẩu tháng Năm ước tính đạt 19,70 tỷ USD, tăng 14,5% so với tháng trước, trong đó khu vực kinh tế trong nước đạt 8,30 tỷ USD, tăng 12,2%; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài đạt 11,40 tỷ USD, tăng 16,2%. Kim ngạch nhập khẩu một số mặt hàng tăng so với tháng trước: Xăng dầu tăng 26,9%; xe máy và linh kiện, phụ tùng tăng 24,4%; máy móc thiết bị,

dụng cụ phụ tùng tăng 22,4%; nguyên phụ liệu dệt may, giày dép tăng 20,7%; sản phẩm hóa chất tăng 19,2%; thủy sản tăng 18,8%; sắt thép tăng 18,4%. So với cùng kỳ năm trước, kim ngạch nhập khẩu tháng Năm tăng 6,3%, trong đó khu vực kinh tế trong nước tăng 11,6%; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài tăng 2,8%. Kim ngạch nhập khẩu một số mặt hàng tăng so với cùng kỳ năm trước: Xăng dầu tăng 49,4%; sắt thép tăng 31,2%; vải tăng 13,9%.

Tính chung 5 tháng đầu năm, kim ngạch hàng hoá nhập khẩu ước tính đạt 89,70 tỷ USD, tăng 8,2% so với cùng kỳ năm trước, trong đó khu vực kinh tế trong nước đạt 36,82 tỷ USD, tăng 10,4%; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài đạt 52,88 tỷ USD, tăng 6,7%. Kim ngạch nhập khẩu một số mặt hàng tăng so với cùng kỳ năm trước: Điện tử, máy tính và linh kiện đạt 16,1 tỷ USD, tăng 14,1%; điện thoại và linh kiện đạt 5,2 tỷ USD, tăng 1,3%; vải đạt 5,1 tỷ USD, tăng 13%; sắt thép đạt 4 tỷ USD, tăng 1,1%; xăng dầu đạt 3,6 tỷ USD, tăng 35,3%; chất dẻo đạt 3,4 tỷ USD, tăng 14,1%; kim loại thường đạt 2,8 tỷ USD, tăng 14,2%; nguyên phụ liệu dệt, may, giày dép đạt 2,3 tỷ USD, tăng 3,7%; hóa chất đạt 2 tỷ USD, tăng 22,9%.

Về thị trường hàng hóa nhập khẩu 5 tháng đầu năm, Trung Quốc vẫn là thị trường nhập khẩu lớn nhất của Việt Nam với kim ngạch đạt 24,2 tỷ USD, tăng 9% so với cùng kỳ năm 2017, trong đó điện thoại và linh kiện tăng 17,6%; vải tăng 15,3%. Tiếp theo là thị trường Hàn Quốc với kim ngạch nhập khẩu đạt 18,7 tỷ USD, tăng 1,1%, trong đó điện tử, máy tính và linh kiện tăng 26,4%; điện thoại và linh kiện giảm 6,5%. ASEAN đạt 12,5 tỷ USD, tăng 11,1%, trong đó xăng dầu tăng 24,6%; máy móc thiết bị, dụng cụ phụ tùng tăng 21,3%; điện tử, máy tính và linh kiện tăng 12,2%. Nhật Bản đạt 7,2 tỷ USD, tăng 11,2%, trong đó điện tử, máy tính và linh kiện tăng 23,1%; máy móc thiết bị, dụng cụ phụ tùng tăng 3,5%. EU đạt 5,2 tỷ USD, tăng 7,3%, trong đó chất dẻo nguyên liệu tăng 29,7%; máy móc thiết bị, dụng cụ phụ tùng tăng 8,6%. Hoa Kỳ đạt 4,5 tỷ USD, tăng 10,7%, trong đó thức ăn gia súc và nguyên phụ liệu tăng 56%; đậu tương tăng 13,7%.

Cán cân thương mại hàng hóa thực hiện tháng Tư xuất siêu 1,16 tỷ USD⁹. Tháng Năm ước tính nhập siêu 500 triệu USD (sau 4 tháng liên tiếp xuất siêu kể từ đầu năm), chủ yếu do Samsung đã tập trung xuất khẩu các sản phẩm Galaxy S9, S9⁺ trong tháng Ba làm cho kim ngạch xuất khẩu điện thoại bắt đầu có xu hướng giảm từ tháng Tư. Tính chung 5 tháng đầu năm xuất siêu 3,39 tỷ USD¹⁰, trong đó khu vực kinh tế trong nước nhập siêu 10,39 tỷ USD; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (kể cả dầu thô) xuất siêu 13,78 tỷ USD.

⁹ Ước tính tháng Tư xuất siêu 700 triệu USD.

¹⁰ Trong đó, 5 tháng đầu năm nhập siêu từ Hàn Quốc 11,5 tỷ USD, giảm 11,4% so với cùng kỳ năm trước; nhập siêu từ Trung Quốc 10,4 tỷ USD, giảm 10,9%.

c) Chỉ số giá tiêu dùng, chỉ số giá vàng và chỉ số giá đô la Mỹ

Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 5/2018 tăng 0,55% so với tháng trước, là tháng Năm có CPI tăng cao nhất trong 6 năm trở lại đây¹¹. Có 9/11 nhóm hàng hóa và dịch vụ có chỉ số giá tăng so với tháng trước, trong đó nhóm giao thông có mức tăng cao nhất 1,72%, chủ yếu do ảnh hưởng từ 2 đợt điều chỉnh tăng giá xăng, dầu vào thời điểm 8/5/2018 và thời điểm 23/5/2018 (tác động làm CPI chung tăng 0,16%). Nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống tăng 0,88%, trong đó lương thực tăng 0,03% do giá gạo xuất khẩu tăng nhẹ 0,1% so với tháng trước; thực phẩm tăng 1,2% do giá thịt lợn hơi tăng mạnh 5,85%, làm CPI chung tăng 0,25%. Nhóm nhà ở và vật liệu xây dựng tăng 0,34% do thời tiết nắng nóng nên nhu cầu sử dụng điện, nước tăng cao¹²; nhóm thiết bị và đồ dùng gia đình tăng 0,1%; các nhóm: Đồ uống và thuốc lá; văn hóa, giải trí và du lịch; may mặc, mũ nón, giày dép cũng tăng 0,08%; nhóm thuốc và dịch vụ y tế tăng 0,03%; nhóm hàng hóa và dịch vụ khác tăng 0,02%; nhóm giáo dục không đổi; riêng nhóm bưu chính viễn thông giảm 0,14%.

Chỉ số giá tiêu dùng bình quân 5 tháng đầu năm 2018 tăng 3,01% so với bình quân cùng kỳ năm 2017. CPI tháng 5/2018 tăng 1,61% so với tháng 12/2017 và tăng 3,86% so với cùng kỳ năm trước.

Lạm phát cơ bản tháng 5/2018 tăng 0,11% so với tháng trước và tăng 1,37% so với cùng kỳ năm trước. Lạm phát cơ bản bình quân 5 tháng đầu năm nay tăng 1,34% so với bình quân cùng kỳ năm 2017.

Chỉ số giá vàng tháng 5/2018 giảm 0,75% so với tháng trước; tăng 2,89% so với tháng 12/2017 và tăng 4,72% so với cùng kỳ năm trước. Chỉ số giá đô la Mỹ tháng 5/2018 giảm 0,06% so với tháng trước; tăng 0,26% so với tháng 12/2017 và tăng 0,26% so với cùng kỳ năm 2017.

d) Vận tải hành khách và hàng hóa

Vận tải hành khách tháng Năm ước tính đạt 382,2 triệu lượt khách, tăng 1,6% so với tháng trước và 16,9 tỷ lượt khách.km, tăng 1,7%. Tính chung 5 tháng đầu năm 2018, vận tải hành khách đạt 1.874,5 triệu lượt khách, tăng 10,4% so với cùng kỳ năm trước và 82,8 tỷ lượt khách.km, tăng 11,2%, trong đó vận tải hành khách đường bộ đạt 1.768,9 triệu lượt khách, tăng 10,6% và 57,6 tỷ lượt khách.km, tăng 11,2%; đường thủy nội địa đạt 78,7 triệu lượt khách, tăng 6,1% và 1,5 tỷ lượt khách.km, tăng 6,3%; đường biển đạt 3 triệu lượt khách, tăng 6,9% và 179,5 triệu lượt khách.km, tăng 7,5%; đường hàng không đạt khá với 20,3 triệu lượt khách, tăng 14% và 22 tỷ lượt khách.km, tăng 12,8%; riêng vận tải đường sắt đạt 3,5 triệu lượt khách, giảm 11,4% và 1,5 tỷ lượt khách.km, giảm 6%.

¹¹ Tốc độ tăng/giảm CPI tháng Năm so với tháng trước một số năm như sau: Năm 2012 tăng 0,18%; năm 2013 giảm 0,06%; năm 2014 tăng 0,2%; năm 2015 tăng 0,16%; năm 2016 tăng 0,54%; năm 2017 giảm 0,53%; năm 2018 tăng 0,55%.

¹² Giá điện sinh hoạt tăng 0,95%; giá nước sinh hoạt tăng 0,52%.

Vận tải hàng hóa tháng Năm ước tính đạt 135 triệu tấn, tăng 1,2% so với tháng trước và 25,1 tỷ tấn.km, tăng 1,3%. Tính chung 5 tháng, vận tải hàng hóa đạt 659,9 triệu tấn, tăng 9,7% so với cùng kỳ năm trước và 122,5 tỷ tấn.km, tăng 6,4%, trong đó vận tải trong nước đạt 646 triệu tấn, tăng 9,9% và 65,7 tỷ tấn.km, tăng 9,1%; vận tải ngoài nước đạt 13,9 triệu tấn, tăng 1,8% và 56,7 tỷ tấn.km, tăng 3,4%. Xét theo ngành vận tải, đường bộ đạt 509,4 triệu tấn, tăng 10,5% so với cùng kỳ năm trước và 33,6 tỷ tấn.km, tăng 9,9%; đường thủy nội địa đạt 116,5 triệu tấn, tăng 7,7% và 24,6 tỷ tấn.km, tăng 7,2%; đường biển đạt 31,5 triệu tấn, tăng 4,7% và 62,4 tỷ tấn.km, tăng 4,1%; đường sắt đạt 2,4 triệu tấn, tăng 5,9% và 1,6 tỷ tấn.km, tăng 13,9%; đường hàng không đạt 112 nghìn tấn, tăng 10,9% và 293,7 triệu tấn.km, tăng 9,5%.

e) Khách quốc tế đến Việt Nam

Khách quốc tế đến nước ta trong tháng Năm ước tính đạt 1.161,1 nghìn lượt người, giảm 13,5% so với tháng trước, trong đó khách đến bằng đường hàng không giảm 11,2%; đến bằng đường bộ giảm 21,6%; đến bằng đường biển giảm 30,2%. So với cùng kỳ năm trước, khách quốc tế đến nước ta tăng 19,4%, trong đó khách đến từ Châu Á tăng 22,2%; từ châu Âu tăng 5,7%; từ châu Mỹ tăng 15,8%, từ châu Úc tăng 9,7%; từ châu Phi tăng 13,9%.

Tính chung 5 tháng đầu năm, khách quốc tế đến nước ta ước tính đạt 6.708,4 nghìn lượt người, tăng 27,6% so với cùng kỳ năm trước, trong đó khách đến bằng đường hàng không đạt 5.383,4 nghìn lượt người, tăng 23,5%; đến bằng đường bộ đạt 1.167,4 nghìn lượt người, tăng 59,9%; đến bằng đường biển đạt 157,6 nghìn lượt người, giảm 6,1%.

Trong 5 tháng đầu năm nay, khách đến từ châu Á đạt 5.099,2 nghìn lượt người, tăng 33,3% so với cùng kỳ năm trước, trong đó khách đến từ hầu hết các thị trường chính đều tăng: Khách đến từ Trung Quốc đạt 2.153,3 nghìn lượt người, tăng 37%; Hàn Quốc 1.441,8 nghìn lượt người, tăng 62,1%; Nhật Bản 344,3 nghìn lượt người, tăng 6,6%; Đài Loan 283,6 nghìn lượt người, tăng 14,5%; Ma-lai-xi-a 220,5 nghìn lượt người, tăng 12,5%; Thái Lan 146,2 nghìn lượt người, tăng 9,1%; Xin-ga-po 112,8 nghìn lượt người, tăng 5,4%.

Khách đến từ châu Âu ước tính đạt 976,9 nghìn lượt người, tăng 11,8% so với cùng kỳ năm trước, trong đó: Khách đến từ Liên bang Nga 300,7 nghìn lượt người, tăng 9,2%; Pháp 139,8 nghìn lượt người, tăng 13,1%; Vương quốc Anh 138,5 nghìn lượt người, tăng 9,6%; Đức 102,2 nghìn lượt người, tăng 8,5%; Hà Lan 31,1 nghìn lượt người, tăng 11,3%; Thụy Điển 30,5 nghìn lượt người, tăng 16,4%; I-ta-li-a 30,1 nghìn lượt người, tăng 18,3%.

Khách đến từ châu Mỹ đạt 421,1 nghìn lượt người, tăng 13,8% so với cùng kỳ năm trước, trong đó khách đến từ Hoa Kỳ đạt 310,7 nghìn lượt người, tăng 15,8%. Khách đến từ châu Úc đạt 193,2 nghìn lượt người, tăng 12,1% so với cùng kỳ năm 2017, trong đó khách đến từ Ôx-trây-li-a đạt 174,5 nghìn lượt người, tăng 12,9%. Khách đến từ châu Phi đạt 18 nghìn lượt người, tăng 20,9% so với cùng kỳ năm 2017.

7. Một số tình hình xã hội

a) Thiếu đói trong nông dân

Tháng Năm là kỳ giáp hạt, số hộ thiếu đói cao hơn tháng Tư nhưng giảm mạnh so với cùng kỳ năm trước. Trong tháng Năm, số hộ thiếu đói là 31,5 nghìn hộ, gấp 2,4 lần so với tháng trước, tương ứng với 131,5 nghìn nhân khẩu thiếu đói, gấp 2,3 lần; so với cùng kỳ năm 2017, số hộ thiếu đói giảm 31,2%, tương ứng với số nhân khẩu thiếu đói giảm 29,8%. Tính chung 5 tháng đầu năm 2018, cả nước có 90,9 nghìn lượt hộ thiếu đói, giảm 34,9% so với cùng kỳ năm trước, tương ứng với 361,3 nghìn lượt nhân khẩu thiếu đói, giảm 37,1%. Để khắc phục tình trạng thiếu đói, từ đầu năm, các cấp, các ngành, các tổ chức từ Trung ương đến địa phương đã hỗ trợ các hộ thiếu đói 6,7 nghìn tấn lương thực.

b) Tình hình dịch bệnh, ngộ độc thực phẩm

Trong tháng Năm, cả nước có 3,6 nghìn trường hợp mắc bệnh tay chân miệng; 2,9 nghìn trường hợp mắc bệnh sốt xuất huyết; 53 trường hợp mắc bệnh thương hàn; 65 trường hợp mắc bệnh viêm não vi rút; 45 trường hợp mắc bệnh ho gà; 4 trường hợp mắc bệnh viêm não do mô cầu; 7 trường hợp mắc bệnh liên cầu lợn ở người và 401 người bị ngộ độc thực phẩm (trong đó vụ ngộ độc thực phẩm ở Sơn La làm 216 người bị ngộ độc). Tính chung 5 tháng đầu năm, cả nước có 10,6 nghìn trường hợp mắc bệnh tay chân miệng; 17,6 nghìn trường hợp mắc bệnh sốt xuất huyết (4 trường hợp tử vong); 215 trường hợp mắc bệnh thương hàn; 196 trường hợp mắc bệnh viêm não vi rút (2 trường hợp tử vong); 146 trường hợp mắc bệnh ho gà; 14 trường hợp mắc bệnh viêm não do mô cầu; 37 trường hợp mắc bệnh liên cầu lợn ở người (3 trường hợp tử vong); 21 trường hợp tử vong do bệnh dại và 923 người bị ngộ độc thực phẩm (6 người tử vong).

Tổng số người nhiễm HIV của cả nước hiện còn sống tính đến thời điểm 15/5/2018 là 209,9 nghìn người và số trường hợp đã chuyển sang giai đoạn AIDS là 91,2 nghìn người; số người tử vong do HIV/AIDS của cả nước tính đến thời điểm trên là 96,6 nghìn người.

c) Tai nạn giao thông

Trong tháng (từ 16/4 đến 15/5), trên địa bàn cả nước đã xảy ra 1.470 vụ tai nạn giao thông, bao gồm 778 vụ tai nạn giao thông từ ít nghiêm trọng trở lên và 692 vụ va chạm giao thông, làm 688 người chết, 412 người bị thương và 714 người bị thương nhẹ. So với cùng kỳ năm trước, số vụ tai nạn giao thông tháng 5/2018 giảm 11,2% (Số vụ tai nạn giao thông từ ít nghiêm trọng trở lên giảm 7,6% và số vụ va chạm giao thông giảm 14,9%); số người chết giảm 1,1%; số người bị thương giảm 24,1% và số người bị thương nhẹ giảm 22,8%. Đáng lưu ý, trong tháng xảy ra một số vụ tai nạn giao thông nghiêm trọng như: Vụ tai nạn lật xe khách xảy ra ngày 12/5 tại Khánh Hòa làm 3 người chết và 20 người bị thương; vụ tai nạn xảy ra ngày 14/5 trên Quốc lộ 20 (Đức Trọng, Lâm Đồng) làm 5 người chết; ngày 24/5 đã xảy ra vụ tai nạn giao thông đường sắt nghiêm trọng tại Thanh Hóa làm 2 người chết và 9 người bị thương.

Tính chung 5 tháng đầu năm 2018, trên địa bàn cả nước đã xảy ra 7.490 vụ tai nạn giao thông, bao gồm 3.882 vụ tai nạn giao thông từ ít nghiêm trọng trở lên và 3.608 vụ va chạm giao thông, làm 3.476 người chết, 1.988 người bị thương và 3.774 người bị thương nhẹ. So với cùng kỳ năm trước, số vụ tai nạn giao thông trong 5 tháng đầu năm giảm 6,7% (Số vụ tai nạn giao thông từ ít nghiêm trọng trở lên giảm 4,3%; số vụ va chạm giao thông giảm 9,1%); số người chết giảm 0,4%; số người bị thương tăng 0,3% và số người bị thương nhẹ giảm 18%. Bình quân 1 ngày trong 5 tháng đầu năm, trên địa bàn cả nước xảy ra 50 vụ tai nạn giao thông, gồm 26 vụ tai nạn giao thông từ ít nghiêm trọng trở lên và 24 vụ va chạm giao thông, làm 23 người chết, 13 người bị thương và 25 người bị thương nhẹ.

d) Thiệt hại do thiên tai

Thiên tai xảy ra trong tháng 5/2018 làm 10 người chết, 4 người bị thương; hơn 1,2 nghìn ngôi nhà bị sập đổ, sạt lở, tốc mái; gần 700 ha lúa và hoa màu bị hư hỏng; gần 2,5 nghìn con gia súc, gia cầm bị chết. Theo báo cáo sơ bộ từ các địa phương, tổng giá trị thiệt hại do thiên tai gây ra trong tháng ước tính gần 164 tỷ đồng. Tính chung 5 tháng đầu năm, thiên tai làm 13 người chết và 21 người bị thương; gần 11 nghìn ngôi nhà bị sập đổ, sạt lở, tốc mái; 6,1 nghìn ha lúa và hoa màu bị hư hỏng; 8,2 nghìn con gia súc và 3,5 nghìn con gia cầm bị chết. Tổng giá trị thiệt hại trong 5 tháng ước tính hơn 544 tỷ đồng.

e) Bảo vệ môi trường và phòng chống cháy, nổ

Trong tháng Năm, cơ quan chức năng đã phát hiện 957 vụ vi phạm môi trường, trong đó xử lý 898 vụ với tổng số tiền phạt gần 13 tỷ đồng. Tính chung 5 tháng đầu năm đã phát hiện 6.081 vụ vi phạm môi trường trên địa bàn cả nước, trong đó xử lý 5.647 vụ với tổng số tiền phạt hơn 79 tỷ đồng.

Trong tháng 5/2018, trên địa bàn cả nước xảy ra 309 vụ cháy, nổ, làm 9 người chết và 13 người bị thương, thiệt hại ước tính hơn 314 tỷ đồng. Tính chung 5 tháng đầu năm, cả nước xảy ra 1.762 vụ cháy, nổ, làm 63 người chết và 154 người bị thương, thiệt hại ước tính khoảng 1.154 tỷ đồng./.

TỔNG CỤC TRƯỞNG

Nguyễn Bích Lâm